CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH
DN: C=VN, L=QUẢNG BÌNH, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:3100114609, E=KHIEMCTYLN@GMAIL.COM
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2026-04-10 09:55:30
Foxit Reader Version: 9.7.2

CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH

Số: 538/2026/TB-LNC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Trị, ngày 09 tháng 4 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ

Kính gửi: - **Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;**
- **Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.**

Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH**
Mã chứng khoán: **LNC**
Trụ sở chính: Thôn Liên Cơ, xã Lệ Ninh, tỉnh Quảng Trị, Việt Nam.
Điện thoại: 0232 3996215 Fax: 0232 3996211
Người thực hiện công bố thông tin: Ông **Nguyễn Mậu Hào**
Chức vụ: Chủ tịch HĐQT Công ty
Loại thông tin công bố ☐24h ☐72h ☐Yêu cầu ☐Bất thường ☑Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Công ty cổ phần Lệ Ninh công bố thông tin bổ sung về việc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026, cụ thể như sau:

1. Thời gian: Vào hồi 14h00', Thứ tư, ngày 22 tháng 4 năm 2026

2. Địa điểm: Hội trường Trụ sở Công ty cổ phần Lệ Ninh.

3. Điều kiện tham dự Đại hội: Là cổ đông của Công ty cổ phần Lệ Ninh theo danh sách ngày đăng ký cuối cùng: 30/03/2026.

4. Nội dung chính của Đại hội, tài liệu bổ sung Đại hội được đăng tải trên website Công ty tại địa chỉ: http://www.leninh.vn

5. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty cổ phần Lệ Ninh vào ngày 10/4/2026 tại đường dẫn: http://www.leninh.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, TKCT.

NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nguyễn Mậu Hào

CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH

Số 532./2026/BC-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Quảng Trị, ngày 09 tháng 4 năm 2026

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2025 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2026

(Thay cho Báo cáo số 488/2026/Bc-HĐQT ngày 24/3/2026)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Lệ Ninh.

Năm 2025 đã khép lại với nhiều khó khăn, thách thức lớn, như là thời tiết bất thường, đầu năm mưa rét, giữa năm hạn hán, cuối năm mưa bão nhiều; vườn cây bị bệnh nặng. Nhưng với sự quyết tâm, vượt lên những khó khăn thách thức với truyền thống đoàn kết, tập thể cán bộ, công nhân viên Công ty cổ phần Lệ Ninh đã nỗ lực, phấn đấu thi đua trong sản xuất kinh doanh, lập thành tích chào mừng những sự kiện chính trị quan trọng trong năm 2025.

Sự quyết tâm của Ban lãnh đạo, sự hỗ trợ của các đối tác và sự tin tưởng của quý Cổ đông cũng như khách hàng đã tạo điều kiện để Công ty cổ phần Lệ Ninh duy trì được mục tiêu tăng trưởng và phát triển.

Với những đặc điểm tình hình trên, Hội đồng quản trị xin được báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT năm 2025 và định hướng năm 2026, như sau:

I. Các hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025

1. Đánh giá về kết quả hoạt động của HĐQT

Trong năm 2025, thực hiện quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty cổ phần Lệ Ninh và quy định khác của pháp luật có liên quan. HĐQT Công ty đã tổ chức 05 cuộc họp HĐQT.

Các cuộc họp đã tập trung giải quyết các vấn đề trọng tâm liên quan đến chỉ đạo thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025. Các nghị quyết được HĐQT thống nhất đưa ra tại các cuộc họp là những định hướng quan trọng giúp Ban điều hành tổ chức thực hiện hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty.

2. Đánh giá kết quả hoạt động của các thành viên HĐQT năm 2025

2.1. Thông tin về thành viên HĐQT

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm thành viên HĐQT	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Nguyễn Mậu Hào	Chủ tịch HĐQT	25/11/2022	

2	Ông Lê Thanh Hùng	Thành viên HĐQT, Giám đốc	25/11/2022	
3	Ông Trần Công Văn	Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc	25/11/2022	
4	Ông Phạm Ngọc Thành	Thành viên HĐQT, Trưởng phòng KH-KT	25/11/2022	
5	Ông Phan Thanh Tuấn	Thành viên HĐQT, Giám đốc NMSX Gỗ dăm	27/4/2023	

2.2. Đánh giá kết quả hoạt động của các thành viên HĐQT:

Năm 2025, các thành viên HĐQT tham giá đóng góp các ý kiến đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền HĐQT với tinh thần trách nhiệm cao, phát huy năng lực lãnh đạo của các thành viên HĐQT, vì lợi ích của các cổ đông và sự phát triển của Công ty.

Hội đồng quản trị thực hiện một cách cẩn trọng, nghiêm túc các công tác quản trị doanh nghiệp, phát triển thương hiệu, quan hệ khách hàng, nhà đầu tư, chiến lược về nhân sự,.... theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

HĐQT duy trì họp định kỳ mỗi quý ít nhất một lần theo quy định tại Điều lệ Công ty để xem xét quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT với sự tham gia của Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát.

HĐQT đã phân công nhiệm vụ cụ thể đến các thành viên, tăng cường vai trò tham mưu của các cán bộ quản lý. Các thành viên HĐQT cũng đã phát huy vai trò trách nhiệm cá nhân đồng thời phối hợp, cộng đồng để hoàn thành chức trách, nhiệm vụ được giao, hành động vì lợi ích của cổ đông trong mối quan hệ hài hòa với lợi ích của Công ty và người lao động.

Bên cạnh việc thực hiện và hoàn thành các trách nhiệm chung đối với các hoạt động của HĐQT, các thành viên HĐQT đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao theo phân công nhiệm vụ của các thành viên HĐQT, cụ thể:

- Chủ tịch HĐQT đã hoàn thành nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT theo Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty và các Quy chế Công ty trong việc lập và thực hiện chương trình công tác năm, phân công nhiệm vụ giữa các thành viên HĐQT, tổ chức họp, lấy ý kiến, ban hành các Nghị quyết, Quyết định, Thông báo của HĐQT; chỉ đạo, quản lý và giám sát Ban điều hành thực hiện các Nghị quyết của HĐQT.

Các thành viên HĐQT đã có những đóng góp tích cực trong quá trình hoàn thiện hệ thống quy chế quản trị nội bộ của Công ty, cùng HĐQT quản lý và giám sát hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh, góp phần trong công tác hoàn thành

kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025.

2.3. Kết quả giám sát đối với Ban điều hành:

Trong năm qua, Hội đồng quản trị đã thường xuyên giám sát những hoạt động của Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý trong việc thực hiện các nhiệm vụ và mục tiêu đề ra thông qua các cuộc họp định kỳ được tổ chức trong năm. Các thành viên của Ban Giám đốc đều có trình độ, năng lực và phẩm chất, được đào tạo đầy đủ về chuyên môn, am hiểu về lĩnh vực được giao và đã có nhiều năm kinh nghiệp trong việc quản lý.

Đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, đã triển khai nhiều giải pháp kịp thời để vượt qua khó khăn, đảm bảo duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và đảm bảo đời sống cho người lao động.

Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc các quyết định của HĐQT và triển khai hiệu quả các giải pháp trọng tâm đã được HĐQT phê duyệt.

Nhìn chung trong năm 2025, Ban Giám đốc Công ty đã cố gắng hoàn thành tốt mọi công tác điều hành của Công ty; tuân thủ theo đúng phân cấp quản trị tại Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT; triển khai thực hiện các chủ trương của HĐQT theo như Nghị quyết được ban hành, phù hợp với quy định của Công ty và của pháp luật.

3. Tình hình thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2025

3.1. Thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025

- Doanh thu: 131.011 triệu đồng đạt 107,9 % kế hoạch
- Lợi nhuận trước thuế: 3.218,8 triệu đồng đạt 213,9 % kế hoạch
- Lợi nhuận sau thuế: 2.518,4 triệu đồng đạt 217,1 % kế hoạch
- Nộp NSNN: 9.203,8 triệu đồng đạt 100 % kế hoạch (Hoàn thành nghĩa vụ thuế theo phát sinh).
- BHXH, BHYT, TN: 5.454,2 triệu đồng đạt 100% kế hoạch
- Thu nhập bình quân: 8,345 triệu đồng đạt 119,2 % kế hoạch

3.2. Thực hiện phân phối lợi nhuận trong năm 2025

Trên cơ sở thực tế kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2025 sau khi đã nộp Ngân sách theo quy định là: 2.518.404.448 đồng (Báo cáo kết quả kinh doanh đã được kiểm toán).

Phương án phân phối lợi nhuận được phân bổ như sau:

+ Quỹ đầu tư phát triển: 453,31 triệu đồng, chiếm 18%
+ Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 1.069,7 triệu đồng, chiếm 42,48%
+ Quỹ thưởng ban quản lý điều hành: 90 triệu đồng, chiếm 3,57%
+ Phần lợi nhuận còn lại phân chia cổ tức: 905,3 triệu đồng, chiếm 35,95% (110 đ/cp).

4. Trả thù lao cho HĐQT, BKS và các lợi ích có liên quan

- Tổng quỹ lương, thù lao chi trả cho HĐQT: 1.642,9 triệu đồng
- Tổng quỹ lương, thù lao trả cho Ban Kiểm soát: 662,4 triệu đồng
- Tổng quỹ lương, thù lao trả cho Kế toán trưởng: 310,8 triệu đồng
- Tổng quỹ lương, thù lao trả cho Người phụ trách quản trị kiêm Thư ký Công ty: 122,7 triệu đồng
- Quỹ khen thưởng ban quản lý, điều hành: 60 triệu đồng

II. BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ NĂM 2025

Trong năm 2025, thực hiện quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty cổ phần Lệ Ninh. HĐQT Công ty đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tập trung giải quyết các vấn đề trọng tâm liên quan đến chỉ đạo thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025; xây dựng và triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026. Các Nghị quyết được HĐQT thống nhất đưa ra là những định hướng quan trọng giúp Ban điều hành tổ chức thực hiện hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty.

Trong năm, HĐQT Công ty đã thực hiện đầy đủ các báo cáo tình hình quản trị và giám sát việc thực hiện công bố thông tin gửi UBCKNN và Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, đồng thời đăng tải công khai tại website của Công ty, qua đó nâng cao tính minh bạch trong hoạt động quản trị, đồng thời để các cổ đông kịp thời nắm rõ được tình hình hoạt động của Công ty.

III. Kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2026

1. Nhận định tình hình

Năm 2026, được dự báo tiếp tục nhiều khó khăn, thách thức, tình hình diễn biến của thế giới đang phức tạp và đầy rủi ro, chiến tranh xung đột giữa các nước trên thế giới: Giữa Nga và UKraine, giữa liên minh Mỹ - Israel và Iran,... sẽ tác động mạnh mẽ đối với nền kinh tế trong nước và thế giới; đồng thời tiếp tục chịu sự tác động của biến đổi khí hậu, thời tiết diễn biến thất thường, sẽ ảnh hưởng lớn đến ngành nông nghiệp; Bộ máy quản lý cấp phòng, các nhà máy sản xuất còn cồng kềnh, dôi dư; Lao động xin nghỉ việc và đủ 20 năm công tác xin nghỉ làm chế độ hưu ngày càng nhiều, việc tuyển dụng lao động vào làm công nhân khai thác mủ gặp nhiều khó khăn.

Tuy nhiên, bên cạnh khó khăn đó chúng ta cũng có nhiều thuận lợi, đó là: Công ty luôn nhận được sự quan tâm của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, các Sở, Ban ngành; Tập thể CBCN Công ty luôn biết phát huy truyền thống đoàn kết với tinh thần tự lực, tự cường, cần cù sáng tạo trong LĐSX, cùng nhau chung sức, chung lòng quyết tâm phấn đấu vượt qua khó khăn hoàn thành các nhiệm vụ đã đề ra; Vườn cây cao su kinh doanh mới (trồng từ năm 2012 - 2018) đưa vào khai thác diện tích khá lớn cho năng suất ổn định. Những kết quả đã đạt được trong những năm qua và năm

2025 là cái đà để chúng ta bước tiếp ổn định hơn, vững chắc hơn và mạnh mẽ hơn trong năm 2026.

2. Nhiệm vụ trọng tâm năm 2026

- Chú trọng và thực hiện nghiêm túc nếp sống "Văn hóa Doanh nghiệp". Đổi mới phong cách, lề lối làm việc của đội ngủ cán bộ Công ty. Tiếp tục chỉ đạo công tác sắp xếp lại nhân sự, lao động theo hướng tinh gọn, hiệu quả.

- Nghiên cứu đổi mới tổ chức sản xuất kinh doanh, áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ - kỷ thuật mới vào sản xuất, đồng thời khảo nghiệm một số cây trồng mới phù hợp đất đai, thổ nhưỡng dần cơ cấu chuyển đổi cây trồng khi mang lại hiệu quả kinh tế.

- Tuyển dụng thêm lao động trực tiếp vào làm công nhân đứng phần cây khai thác mủ bổ sung cho các đơn vị sản xuất đảm bảo nhu cầu về lao động.

- Ký kết hoàn thành các hợp đồng giao khoán đất sản xuất theo Nghị định 168 của Chính phủ, tiến hành thu nghĩa vụ đối với các hộ nhận khoán đang còn nợ Công ty kéo dài.

- Phối hợp với các cơ quan chức năng cấp Tỉnh, để giải quyết dứt điểm tình trạng hộ nhận khoán kiến nghị, khiếu nái về đất nhận khoán kéo dài, nhằm ổn định sản xuất.

- Chỉ đạo việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Đồng thời đề ra các giải pháp thực hiện các chỉ tiêu của kế hoạch SXKD mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua.

- Chỉ đạo thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị qua các kỳ họp. Chỉ đạo các hoạt động SXKD của Công ty tuân thủ đúng theo các quy định của pháp luật có liên quan.

- Chỉ đạo thực hiện Công bố thông tin theo đúng quy định của Luật chứng khoán áp dụng cho Công ty đại chúng.

- Tiếp tục thực hiện quản trị Công ty công khai, minh bạch, tuân thủ pháp luật, đảm bảo thực hiện các nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước, quyền lợi cho các cổ đông và người lao động.

3. Kế hoạch đầu tư XDCB năm 2026

- Liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân trồng các loại cây trồng trên những diện tích cao su già cỗi và kém hiệu quả thanh lý để nâng cao hiệu quả trong việc sử dụng đất, tăng năng suất, lợi nhuận; giải quyết trước mắt tình hình tài chính của Công ty đang khó khăn.

- Đầu tư cải tạo, lắp đặt dây chuyền chế biến mủ V10 với công suất 02 tấn/giờ và hệ thống xử lý môi trường tại Nhà máy chế biến mủ cao su.

- Đầu tư trồng mới lại cây cao su tái canh trên những diện tích cao su già thành lý có chất đất tốt phù hợp;

- Đầu tư chăm sóc tốt vườn cây cao su hiện có theo đúng quy trình kỹ thuật.

- Đầu tư trồng cây keo và một số cây trồng khác trên diện tích đất trồng cao su già cỗi và một số diện tích cao su phát triển kém hiệu quả thanh lý và chăm sóc tốt diện tích cây keo đã trồng tại các đơn vị;

- Tiếp tục đầu tư làm máng che mưa cho những vườn cây cao su có năng suất cao tại các đơn vị còn lại, khi việc đầu tư làm máng che mưa cho cao su 2014 tại đơn vị Đội 2 có hiệu quả.

- Đầu tư tu sửa lại một số tuyến đường nội vùng để phục vụ sản xuất;

- Đầu tư lắp đặt hoàn thiện dây chuyền máy bỏ võ keo tại Nhà máy sản xuất gỗ dăm;

- Đầu tư mua mới và sửa chữa lại một số máy mọc thiết bị cần thiết tại Nhà máy SXGD và Nhà máy CBCS nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm;

- Đầu tư xây dựng lại nhà làm việc Đội 1, Đội 3.

- Liên doanh, liên kết cải tạo sân bóng đá làm sân chơi cầu long, sân Pickleball và tennis.

4. Một số chỉ tiêu kế hoạch năm sản xuất kinh doanh 2026

4.1. Một số chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2026

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2026
1	Doanh thu	Triệu đồng	144.000
2	Sản lượng *+ Dăm gỗ keo* *+ Mủ cao su*	 *BDT* *Tấn*	 *18.400* *1.611,5*
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	3.200
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	2.608
5	Nộp ngân sách	Triệu đồng	6.500
6	Thu nhập bình quân/lao động/tháng	Triệu đồng	8.500
7	Chi trả cổ tức	(Đồng/cổ phần)	110

4.2. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2026

Căn cứ vào kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2026

Lợi nhuận sau thuế:2.608.000.000 đồng

Phương án phân phối lợi nhuận như sau:

a. Trích lập các quỹ:

- Quỹ đầu tư phát triển: Căn cứ nhu cầu đầu tư của Công ty trong năm 2026, đề nghị trích 18 % vào quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp: 469.440.000 đồng.

- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động trong doanh nghiệp:

Căn cứ theo Nghị định 366/2025/NĐ-CP, Doanh nghiệp dự kiến đạt kế hoạch năm 2026. Mức quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích tối đa bằng 3 tháng lương thực hiện nếu doanh nghiệp đạt kế hoạch.

Căn cứ nhu cầu chi quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2026, mức đề nghị trích 43,84% vào quỹ khen thưởng, phúc lợi: 1:143.252.630 đồng;

Trích quỹ thưởng Ban Quản lý điều hành, Trưởng Ban kiểm soát Công ty: 90.000.000 đồng.

b. Lợi nhuận còn lại phân chia cho các Cổ đông là: 110 đồng/cổ phần (34,71%)

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:
- *Hội đồng quản trị;*
- *Ban Giám đốc;*
- *Ban kiểm soát;*
- *Đăng Website: www.le ninh.vn;*
- *Công bố thông tin UBCKNN;*
- *Công bố thông tin Sở GDCKNN;*
- *Lưu VT, Thư ký HĐQT.*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 3100114609 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN LÊ NINH - X. LÊ NINH - T. NINH TRỊ

Nguyễn Mậu Hào

CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số: 519 /TTr-HĐQT	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
	Quảng Trị, ngày 06 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
V/v: Thông qua Kế hoạch phát triển sản xuất-kinh doanh 05 năm, giai đoạn 2026-2030, Công ty cổ phần Lệ Ninh

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty cổ phần Lệ Ninh

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

- Căn cứ Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15 ngày 14/06/2025;

- Căn cứ Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty cổ phần Lệ Ninh;

- Căn cứ Kế hoạch phát triển sản xuất - kinh doanh giai đoạn 2021-2025, Công ty cổ phần Lệ Ninh,

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lệ Ninh kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 xem xét thông qua Kế hoạch phát triển sản xuất-kinh doanh 05 năm, giai đoạn 2026-2030, Công ty cổ phần Lệ Ninh.

(Có bản dự thảo Kế hoạch phát triển sản xuất-kinh doanh 05 năm, giai đoạn 2026-2030, Công ty cổ phần Lệ Ninh đính kèm)

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:	**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**
- Hội đồng quản trị;	**CHỦ TỊCH**
- Ban Giám đốc;	
- Ban kiểm soát;	
- Các cổ đông;	
- Đăng Website: www.le ninh.vn;	
- Công bố thông tin UBCKNN;	
- Công bố thông tin Sở GDCKNN;	
- Lưu VT, Thư ký Công ty.	**Nguyễn Mậu Hào**

CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH

KẾ HOẠCH
PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT-KINH DOANH 05 NĂM GIAI ĐOẠN 2026-2030

Quảng Trị, tháng 4 năm 2026

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT - KINH DOANH 05 NĂM GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các quy định của pháp luật có liên quan về tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp;

Căn cứ Luật Quản lý và đầu tư vốn tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15 ngày 14/06/2025;

Căn cứ Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty cổ phần Lệ Ninh;

Căn cứ tình hình phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty giai đoạn 2021-2025; Căn cứ yêu cầu xây dựng chiến lược phát triển của doanh nghiệp trong giai đoạn 05 năm, nhằm định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh và nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty;

Công ty cổ phần Lệ Ninh xây dựng Kế hoạch phát triển sản xuất-kinh doanh 05 năm, giai đoạn 2026-2030 với các nội dung chủ yếu như sau:

I. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ giai đoạn 2021-2025

1. Thông tin cơ bản về Công ty

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt	CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH
- Tên Công ty viết bằng tiếng Anh	LENINH JOINT STOCK COMPANY
- Tên giao dịch viết tắt	LENINH JSC
- Trụ sở chính	Thôn Liên Cơ, Xã Lệ Ninh, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam.
- Điện thoại	0232.3996215
- Fax	0232.3996211
- Email	leninhqt@gmail.com
- Website	www.leninh.vn

2. Ngành, nghề sản xuất kinh doanh

2.1. Ngành, nghề sản xuất kinh doanh chính

- Trồng, chăm sóc, khai thác mủ cao su;
- Chế biến mủ cao su tự nhiên;
- Bán buôn mủ cao su tự nhiên;
- Tư vấn khảo sát, thiết kế, lập và thẩm định dự án đầu tư, thiết kế kỹ thuật-dự toán, giám sát và thi công các công trình liên quan đến trồng mới, chăm sóc cao su; Chuyển giao công nghệ và các tiến bộ KHKT (trong lĩnh vực nông nghiệp);

- Cưa xẻ và Chế biến gỗ cao su, gỗ thông và gỗ rừng trồng;
- Bán buôn hàng nông, lâm sản nguyên liệu.

2.2. Ngành, nghề sản xuất kinh doanh phụ trợ

- Sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh;
- Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm;
- Sản xuất tinh dầu sả;
- Chăn nuôi lợn và cung cấp con giống;
- Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm có liên quan;
- Khai thác và kinh doanh các loại vật liệu xây dựng;

3. Tổng số vốn điều lệ của Công ty: 82.300.670.000 đồng, tương ứng với: 8.230.067 cổ phần, trong đó:

- Cổ đông Nhà nước sở hữu: 7.468.367 cổ phần, tương ứng: 74.683.670.000 đồng giá trị vốn góp, chiếm tỷ lệ: 90,74%;
- Cổ đông cá nhân sở hữu: 761.700 cổ phần, tương ứng: 7.617.000.000 đồng giá trị vốn góp, chiếm tỷ lệ: 9,26%;

4. Tổ chức bộ máy quản lý, điều hành của Công ty

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Ban Kiểm soát;
- Ban Giám đốc;
- Các phòng chức năng:

+ Phòng Tổ chức-Hành chính;
+ Phòng Kế hoạch-Kỹ thuật;
+ Phòng Kế toán-Thống kê;
+ Phòng Bảo vệ.

- Các đơn vị sản xuất trực thuộc Công ty:

+ Các đội chuyên sản xuất cây cao su, cây keo, tràm và các loại cây trồng khác;
+ Nhà máy chế biến mủ cao su;
+ Nhà máy sản xuất gỗ dăm;
+ Dây chuyền sản xuất nước lọc tinh khiết (cho thuê).

5. Tình hình sử dụng lao động của Công ty

Tổng số lao động tại thời điểm 31/12/2025: 329 người được cơ cấu như sau:

Bảng 1: Cơ cấu lao động Công ty tại thời điểm 31/12/2025

TT	Phân loại	Số lượng (Người)
I	**Theo trình độ**	**329**
1	Cao đẳng trở lên	50
2	Trung cấp	0
3	Khác	279
II	**Theo giới tính**	**329**
1	Nam	140
2	Nữ	189
III	**Theo loại hợp đồng**	**329**
1	Không thời hạn	302
2	Có thời hạn	27
3	Thời vụ	0
IV	**Theo đơn vị**	**329**
1	Văn phòng Công ty	37
2	Các đội chuyên sản xuất cao su	238
3	Nhà máy chế biến mủ cao su	19
4	Nhà máy sản xuất gỗ dăm	16
5	Lúa, thủy sản	19

(Nguồn: Phòng TC-HC, Công ty cổ phần Lệ Ninh)

6. Tình hình sử dụng đất của Công ty

Tổng diện tích đất Công ty đang quản lý, sử dụng trả tiền thuê đất hàng năm: 3.035,28 ha, trong đó: đất nông nghiệp: 3.018,19 ha; đất phi nông nghiệp: 17,09 ha.

Bảng 2: Diện tích đất quản lý, sử dụng theo từng loại đất

STT	Loại đất	Diện tích (ha)	Ghi chú
	TỔNG DIỆN TÍCH	**3035,28**	
1	**Đất nông nghiệp**	**3018,19**	
1.1	Đất trồng cây hàng năm	95,01	
1.1.1	Đất trồng lúa	78,25	
1.1.2	Đất trồng cây khác hàng năm	16,76	
1.2	Đất trồng cây lâu năm	2306,26	
1.3	Đất rừng trồng sản xuất	589,44	
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	26,54	
1.5	Đất nông nghiệp khác	0,94	
2	**Đất phi nông nghiệp**	**17,09**	
2.1	Đất XD công trình sự nghiệp (TDTT)	1,08	
2.2	Đất SXKD phi nông nghiệp	13,94	
2.3	Đất XD hệ thống xử lý nước thải	2,07	

(Nguồn: Phòng KH-KT, Công ty cổ phần Lệ Ninh)

Ghi chú: Diện tích chưa cấp đổi Giấy CNQSD đất sau cổ phần hóa: 172,87 ha. Lý dó: Thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Chấp hành Trung ương, Công ty tạm ngừng thực hiện việc chuyển đổi 290ha rừng tự nhiên là rừng nghèo kiệt sang trồng cao su theo Quyết định số 1413/QĐ-UBND ngày 01/6/2015.

7. Tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh giai đoạn 2021-2025

7.1. Sản lượng các loại sản phẩm chủ yếu

Sản phẩm chủ yêu của Công ty gồm: Mủ cao su (SVR 3L, SVR 10) và dăm gỗ. Chất lượng sản phẩm được khách hàng tin tưởng và đánh giá cao.

Bảng 3: Sản lượng các sản phẩm sản xuất chủ yếu giai đoạn 2021-2025

Sản lượng từng loại sản phẩm	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
SVR 3L (tấn)	780	961	986	1.175	1.129
SVR V10 (tấn)	285	277	306	334	374
Dăm gỗ khô (BDT)	23.768	28.778	21.360	24.279	17.417

(Nguồn: Phòng KT-TK, Công ty cổ phần Lệ Ninh)

- Nước lọc tinh khiết đóng chai chủ yếu cung cấp cho CBCNV, người lao động của Công ty và tiêu thụ trên địa bàn: 1,2-1,5 triệu lít/năm.

7.2. Kết quả sản xuất kinh doanh thực hiện trong giai đoạn 2021-2025

Bảng 4: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu giai đoạn 2021-2025

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	98.740	142.325	112.095	143.890	131.011
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	1.076	1.170	1.213	1.503	3.218
3	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	841	899	858	1.150	2.518
4	Nộp Ngân sách NN	Triệu đồng	7.432	13.664	8.057	10.366	8.703

(Nguồn: BCTC kiểm toán từ năm 2021 đến năm 2025 của Công ty, số tiền nộp ngân sách không tính nộp cổ tức hàng năm)

Doanh thu của Công ty trong những năm qua có xu hướng thay đổi theo sản lượng sản xuất và giá cả thị trường theo từng thời điểm.

II. Mục tiêu định hướng phát triển giai đoạn 2026-2030

Trên cơ sở những dự báo, nhận định tình hình mới, Công ty đặt ra các mục tiêu định hướng cơ bản cho chiến lược kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh giai đoạn 2026-2030 như sau:

- Xây dựng Công ty ngày càng phát triển mạnh, hoạt động hiệu quả hơn trên cơ sở sử dụng hợp lý các nguồn nhân lực;
- Phát triển ổn định, bền vững, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu;
- Nâng cao năng lực sản xuất, đổi mới công nghệ, hiện đại hóa thiết bị;
- Đào tạo nâng cao trình độ chuyển môn cho người lao động;
- Tiếp tục tổ chức sắp xếp lại bộ máy quản lý tinh gọn;
- Ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất;
- Duy trì những ngành, nghề hiện có, đồng thời mở rộng thêm ngành, nghề lĩnh vực sản xuất kinh doanh mới cho giai đoạn 2026-2030, trên cơ sở lợi thế hiện có của Công ty, với mục đích tăng thêm doanh thu, lợi nhuận cho doanh nghiệp, nộp ngân sách cho Nhà nước và tạo thêm công ăn việc làm, tăng thu nhập ổn định cho người lao động. Cụ thể:

*** Ngành nghề sản xuất kinh doanh hiện có:**

- Trồng, chăm sóc, khai thác mủ cao su;
- Chế biến mủ cao su tự nhiên;
- Bán buôn mủ cao su tự nhiên;
- Tư vấn khảo sát, thiết kế, lập và thẩm định dự án đầu tư, thiết kế kỹ thuật-dự toán, giám sát và thi công các công trình liên quan đến trồng mới, chăm sóc cao su; Chuyển giao công nghệ và các tiến bộ KHKT (trong lĩnh vực nông nghiệp);
- Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm có liên quan;
- Cưa xẻ và Chế biến gỗ cao su, gỗ thông và gỗ rừng trồng;
- Sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh;
- Chăn nuôi lợn và cung cấp con giống;
- Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai;
- Khai thác và kinh doanh các loại vật liệu xây dựng;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm;
- Sản xuất tinh dầu sả;
- Bán buôn hàng nông, lâm sản nguyên liệu.

*** Bổ sung thêm ngành, nghề sản xuất kinh doanh giai đoạn 2026-2030:**

- Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp. Chi tiết:

+ Trồng rừng và chăm sóc rừng cây thân gỗ;

+ Trồng rừng và chăm sóc rừng khác;

+ Trồng rừng và chăm sóc rừng họ tre;

+ Ươm giống cây lâm nghiệp;

- Khai thác gỗ;

- Khai thác lâm sản khác trừ gỗ;

- Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ;

- Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp;

- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ, các loại hàng mộc mỹ nghệ. Chi tiết: Sản xuất dăm gỗ, viên nén …;

- Trồng cây hàng năm khác;

- Chế biến và bảo quản rau quả;

- Trồng cây ăn quả, giống cây ăn quả;

- Trồng rau, đậu các loại;

- Buôn bán tổng hợp. Chi tiết:

+ Trưng bày sản phẩm, bán các mặt hàng của Công ty sản xuất, hàng phục vụ đời sống công nhân;

+ Kinh doanh các loại vật tư phục vụ ngành cao su; ngành chế biến gỗ;

+ Mua bán xuất khẩu tổng hợp.

- Hoạt động của các cơ sở thể thao. Chi tiết sân chơi cửu long, sân chơi Pickleball và tennis;

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Cho thuê nhà làm việc, địa điểm sản xuất, địa điểm kinh doanh dịch vụ ăn uống, vui chơi TDTT.

- Các ngành nghề khác theo quy định của pháp luật.

III. Các nhiệm vụ trọng tâm chủ yếu giai đoạn 2026-2030

1. Lĩnh vực sản xuất nông, lâm nghiệp

1.1. Trồng, chăm sóc, khai thác cây cao su

- Duy trì chăm sóc, khai thác đối với diện tích cao su hiện có, đặc biệt chú trọng đầu tư chăm sóc vườn cây cao su KTCB trồng năm 2017-2019 để đưa vào khai thác bói;

- Trồng mới tái canh cao su trên những diện tích cao su già thanh lý có chất đất tốt phù hợp với cây cao su;

- Chuyển giao, ứng dụng các bộ giống mới chất lượng đưa vào trồng để chống chịu vời thời tiết khô hạn, mưa bão thường xuyên xảy ra ở Miền Trung, rút ngắn thời gian chăm sóc KTCB và tăng năng suất sản lượng mủ;

- Tuyển dụng thêm lao động vào làm công nhân khai thác mủ cao su;

- Đẩy mạnh mở rộng thị trường mua mủ cao su nguyên liệu (mủ nước, mủ đông) của các tổ chức, hộ cao su tiểu điền trong và ngoài địa bàn để chế biến;

- Duy trì với các bạn hàng truyền thống, đồng thời tìm thêm những bạn hàng mới để bán sản phẩm mủ với giá cao hơn.

1.2. Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến gỗ rừng trồng sản xuất

- Những diện tích đất trồng cao su già cỗi, kém hiệu quả thanh lý có chất đất không phù hợp để tái canh trồng mới lại cây cao su và các loại cây trồng khác, Công ty chuyển sang trồng rừng sản xuất (keo, tràm) tạo ra nguyên liệu phục vụ cho Nhà máy sản xuất gỗ dăm của Công ty;

- Đẩy mạnh thu mua nguồn nguyên liệu gỗ keo, tràm từ các hộ nhận khoán đất của Công ty sản xuất và các hộ dân bên ngoài ở các địa phương để cung cấp nguồn nguyên liệu cho Nhà máy sản xuất gỗ dăm;

- Mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm dăm gỗ.

1.3. Lĩnh vực hợp tác đầu tư liên doanh, liên kết sản xuất nông nghiệp

Tăng cường hợp tác liên doanh, liên kết với các tổ chức để đầu tư phát triển thêm các lĩnh vực sản xuất có lợi thế:

- Trồng các loại cây trồng: (cây dừa, mít, cây tre, …);

- Chăn nuôi lợn, bò tập trung.

2. Lĩnh vực công nghiệp chế biến, dịch vụ cho thuê nhà làm việc, địa điểm sản xuất, kinh doanh dịch vụ vui chơi TDTT, ăn uống

- Từng bước đầu tư đổi mới công nghệ dây chuyền máy móc, thiết bị chế biến mủ cao su; chế biến dăm gỗ để nâng cao chất lượng sản phẩm, hiệu quả trong sản xuất và bảo vệ môi trường, Phòng cháy chữa cháy;

- Sửa chữa, thay thế kịp thời các máy móc, thiết bị hư hỏng để phục vụ cho sản xuất.

- Cho thuê nhà làm việc, địa điểm sản xuất, địa điểm kinh doanh dịch vụ ăn uống, vui chơi TDTT trên cơ sở sử dụng tối đa và hiệu quả các tài sản sẵn có của Công ty.

3. Về tài chính, lao động, đất đai

- Phát triển ổn định, bền vững, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu;

- Thực hiện trả dần nợ gốc và lãi cho các Ngân hàng để giảm áp lực tài chính;

- Tăng cường tuyển dụng thêm lao động vào làm công nhân bố trí đảm nhận các phần cây cao su đang còn trống để chăm sóc, khai thác mủ;

- Quản lý, sử dụng hiệu quả đất đai được Nhà nước cho thuê và trả tiền thuê đất hàng năm đầy đủ cho Nhà nước theo quy định;

- Những diện tích đất cao su già cỗi, kém hiệu quả thanh lý, có chất đất không phù hợp để trồng lại cây cao su, chuyển sang trồng rừng sản xuất (keo, tràm) và trồng các loại cây trồng khác đưa lại hiệu quả kinh tế;

- Phối kết hợp với các Sở, Ban ngành, địa phương giải quyết dứt điểm tình trạng hộ nhận khoán đất Công ty sản xuất kiến nghị, khiếu nại yêu cầu Công ty bóc tách giao về địa phương quản lý. Rà soát, bóc tách những diện tích nằm dưới đường dây điện cao thế 220 kV, 500 kV, những diện tích đất bị ngập úng nằm xung quanh hồ Cầm Ly không sản xuất được trả lại cho Nhà nước.

IV. Các chỉ tiêu sản lượng chủ yếu, doanh thu, lợi nhuận trước thuế, giai đoạn 2026-2030

Căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh giai đoạn 2021-2025, mục tiêu định hướng phát triển, Công ty xây dựng kế hoạch phát triển sản xuất - kinh doanh 05 năm, giai đoạn 2026-2030 như sau:

Bảng 5: Các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu giai đoạn 2026-2030

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
Mủ cao su SVR 3L	Tấn	1.224	1.346	1.480	1.628	1.630
Mủ cao su SVRV10	Tấn	285	314	345	517	520
Dăm gỗ khô	BDT	18.400	20.250	22.300	24.530	24.550
Tổng doanh thu	Triệu đồng	144.150	145.000	147.000	148.000	162.800
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	3.200	3.220	3.250	3.270	3.300

(Nguồn: Công ty cổ phần Lệ Ninh)

V. Kế hoạch đầu tư giai đoạn 2026 - 2030

1. Các dự án, hạng mục đầu tư chủ yếu

Căn cứ nguồn lực, năng lực hiện tại và nhu cầu thị trường trong những năm tới, Công ty dự kiến đầu tư một số dự án, hạng mục chủ yếu phục vụ hoạt động của Công ty trong 05 năm tới, giai đoạn 2026-2030 như sau:

- Đầu tư trồng mới tái canh cao su trên những diện tích cao su già cỗi thanh lý có chất đất tốt phù hợp với trồng cây cao su.

- Chăm sóc những diện tích cao su KTCB hiện có (cao su trồng năm 2017-2019) để đưa vào khai thác bói và diện tích sau trồng mới tái canh theo đúng quy trình kỹ thuật;

- Trồng rừng sản xuất (cây keo, tràm) trên những diện tích cao su già cỗi, kém hiệu quả thanh lý, do chất đất kém dinh dưỡng không phù hợp trồng lại cây cao su;

- Đầu tư xây dựng lại nhà làm việc Đội 1 do đường cao tốc Bắc - Nam đi qua phải giải tỏa;

- Đầu tư xây dựng lại nhà làm việc Đội 3 do bị xuống cấp hư hỏng nặng;

- Đầu tư lắp đặt dây chuyền máy bóc vỏ cây keo tràm; tu sửa, mua sắp máy móc thiết bị và cải tiến công nghệ nâng cấp dây chuyền chế biến dăm hiện có tại Chi nhánh Nhà máy sản xuất gỗ dăm của Công ty;

- Đầu tư sửa chữa đường nội vùng đi lại phục vụ sản xuất;

- Đầu tư cải tạo, lắp đặt dây chuyền chế biến mủ V10 với công suất 2,0 tấn/giờ; Hế thống xử lý môi trường, mai che nguyên liệu phục vụ đót lò hơi; Cải tiến công nghệ, nâng cấp các dây chuyền sản xuất mủ cao su, nhà xưởng sản xuất hiện có tại Nhà máy CBMCS;

- Liên doanh, liên kết đầu tư cải tạo sân bóng đá làm sân chơi cửu long, sân chơi Pickleball và tennis;

- Liên doanh, liên kết đầu tư trồng các loại cây trồng khác mang lại hiệu quả kinh tế (trồng tre, trồng dừa, …);

- Liên doanh, liên kết chăn nuôi (lợn, bò, …).

2. Nguyền vốn đầu tư

- Vốn của doanh nghiệp từ quỹ đầu tư phát triển lũy kế giai đoạn 2021-2025 và dự kiến kế hoạch trích lập giai đoạn 2026-2030;

- Vốn vay;

- Các nguồn vốn hợp pháp khác.

VI. Kế hoạch cơ cấu lại vốn giai đoạn 2026-2030

- Tiếp tục thực hiện lộ trình thoái vốn Nhà nước theo quy định;

- Rà soát, cơ cấu lại các khoản vay tại các ngân hàng nhằm giảm áp lực tài chính;

- Rà soát, tái cơ cấu các khoản đầu tư, tập trung vào ngành nghề chính;

- Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, ưu tiên các lĩnh vực mang lại hiệu quả cao.

VII. Kế hoạch chuyển đổi đất giai đoạn 2026-2030

1. Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp: 0,22 ha.

- Đất trồng cây lâu năm chuyển sang đất xây dựng Nhà làm việc Đội 1: 0,22 ha;

2. Đất trồng cây hàng năm chuyển sang đất xây dựng cơ sở sản xuất kinh doanh: 2,5 ha;

3. Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp: 286,3 ha.

- Đất trồng cao su già cỗi, kém hiệu quả thanh lý chuyển sang trồng rừng sản xuất (keo, tràm) và trồng các loại cây trồng khác giai đoạn 2026-2030 là: 286,3 ha (Có Bảng 6: Tổng hợp diện tích đất trồng cây cao su già cỗi, kém hiệu quả thanh lý chuyển sang trồng rừng sản xuất và trồng các loại cây trồng khác đính kèm).

VIII. Giải pháp thực hiện

1. Giải pháp về quản lý tài chính

- Tăng cường công tác quản lý tài chính, sử dụng hiệu quả các nguồn vốn hiện có; đảm bảo cân đối dòng tiền phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Đa dạng hóa các kênh huy động vốn hợp pháp nhằm đáp ứng nhu cầu đầu tư phát triển trong từng giai đoạn.

- Chủ động làm việc với các tổ chức tín dụng để cơ cấu lại các khoản vay, giảm áp lực trả nợ, tiết giảm chi phí lãi vay.

- Thực hiện tiết kiệm chi phí, kiểm soát chặt chẽ các khoản chi tiêu, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát tài chính, kế toán tại các đơn vị trực thuộc; đảm bảo minh bạch, đúng quy định pháp luật.

- Rà soát, điều chỉnh định mức kinh tế - kỹ thuật phù hợp thực tế nhằm hạ giá thành sản phẩm.

- Nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản, hạn chế tối đa tình trạng tài sản nhàn rỗi, kém hiệu quả.

2. Giải pháp về nguồn nhân lực

- Sử dụng hợp lý, hiệu quả nguồn nhân lực hiện có; từng bước tinh gọn bộ máy quản lý.

- Thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách đối với người lao động; nâng cao thu nhập và đời sống.

- Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhân sự, tiền lương, sản xuất.

- Xây dựng cơ chế đánh giá, sử dụng và trọng dụng nhân tài phù hợp.

3. Giải pháp về khoa học công nghệ

- Tăng cường công tác chuyển đổi số, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật và sản xuất và quản lý.
- Đẩy mạnh đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm chi phí sản xuất.
- Rà soát, đầu tư nâng cấp máy móc, thiết bị phù hợp với định hướng phát triển.
- Tăng cường kiểm soát chất lượng từ nguyên liệu đến thành phẩm.

4. Giải pháp về thị trường

- Mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, tìm kiếm và phát triển đối tác mới.
- Đa dạng hóa sản phẩm phù hợp nhu cầu thị trường.
- Đẩy mạnh hoạt động marketing, quảng bá thương hiệu.
- Tham gia hội chợ, triển lãm để xúc tiến thương mại và hợp tác đầu tư.

5. Các giải pháp khác

- Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao ý thức trách nhiệm của người lao động.
- Đẩy mạnh phong trào thi đua, khen thưởng.
- Củng cố mối quan hệ với các cơ quan quản lý, địa phương nhằm tạo điều kiện thuận lợi trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

IX. Tổ chức thực hiện

Sau khi Chủ sở hữu cho ý kiến, Hội đồng quản trị sẽ thông qua Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua, ban hành Nghị quyết và triển khai thực hiện.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 3100114600 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN LÊ NINH X.LÊ NINH - T.QUẢNG TRỊ

Nguyễn Mậu Hào

Bảng 6: Tổng hợp diện tích đất trồng cao su già cỗi, kém hiệu quả thanh lý chuyển sang trồng rừng sản xuất và trồng các loại cây trồng khác giai đoạn 2026-2030

TT	Đơn vị quản lý	Đơn vị hành chính cấp xã	Hiện trạng đất đang sử dụng	Diện tích (m2)	Thửa đất	Tờ bản đồ
1	Đội 1	Trường Phú	CLN	2589,8	22	41
2	Đội 1	Trường Phú	CLN	16071,2	34	41
3	Đội 1	Trường Phú	CLN	12097,9	37	41
4	Đội 1	Trường Phú	CLN	24820	38	41
5	Đội 1	Trường Phú	CLN	15258,6	259	43
6	Đội 1	Trường Phú	CLN	919,9	262	43
7	Đội 1	Trường Phú	CLN	1135,6	263	43
8	Đội 1	Trường Phú	CLN	6539,2	264	43
9	Đội 1	Trường Phú	CLN	45084,6	268	43
10	Đội 1	Trường Phú	CLN	33.879,0	246	40
11	Đội 1	Trường Phú	CLN	9.030,0	269	40
12	Đội 1	Lệ Ninh	CLN	16.140,9	138	75
13	Đội 1	Lệ Ninh	CLN	15.000,0	28	78
14	Đội 1	Lệ Ninh	CLN	42.900,0	91	76
15	Đội 1	Lệ Ninh	CLN	100.848,4	82	76
16	Đội 1	Lệ Ninh	CLN	52.977,2	88	76
17	Đội 1	Lệ Ninh	CLN	69.162,0	95	76
18	Đội 1	Lệ Ninh	CLN	105.700,3	98	76
19	Đội 1	Lệ Ninh	CLN	31.615,2	106	76
20	Đội 1	Lệ Ninh	CLN	160.000,0	301	40
21	Đội 1	Lệ Ninh	CLN	83.153,7	266	43
22	Đội 1	Lệ Ninh	CLN	18.027,7	275	43
23	Đội 1	Lệ Ninh	CLN	64.576,5	107	76
24	Đội 1	Lệ Ninh	CLN	134.882,3	30	78
25	Đội 1	Trường Phú	CLN	44.987,5	225	40
26	Đội 1	Trường Phú	CLN	29.244,5	236	40
	Cộng			**1.136.642,0**		
1	Đội Phú Cường	Trường Phú	CLN	105.548,6	301	43
2	Đội Phú Cường	Trường Phú	CLN	9.534,2	347	43
3	Đội Phú Cường	Trường Phú	CLN	283.952,5	358	43
4	Đội Phú Cường	Trường Phú	CLN	1.519,4	390	43
5	Đội Phú Cường	Trường Phú	CLN	2.732,2	466	43
6	Đội Phú Cường	Trường Phú	CLN	46.786,4	482	43
7	Đội Phú Cường	Trường Phú	HNK	4.053,2	307	43
8	Đội Phú Cường	Trường Phú	CLN	5.177,0	323	43
9	Đội Phú Cường	Trường Phú	CLN	143.859,0	435	43
10	Đội Phú Cường	Trường Phú	CLN	201.184,9	443	43
	Cộng			**804.347,4**		
1	Đội 3	Lệ Ninh	CLN	11.418,8	123	75
2	Đội 3	Kim Ngân	CLN	122.050,60	54	14
3	Đội 3	Kim Ngân	CLN	40.157,4	9	11
4	Đội 3	Kim Ngân	CLN	58.754,5	51	14
5	Đội 3	Lệ Ninh	CLN	20.110,9	79	26
6	Đội 3	Lệ Ninh	CLN	125.213,6	236	27
7	Đội 3	Lệ Ninh	CLN	3.000,0	246	27
	Cộng			**380.705,8**		

2	Đội 4	Lệ Ninh	CLN	4.844,5	27	26
3	Đội 4	Lệ Ninh	CLN	10.622,5	28	26
4	Đội 4	Lệ Ninh	CLN	8.195,2	72	26
5	Đội 4	Lệ Ninh	CLN	9.496,7	74	26
6	Đội 4	Lệ Ninh	CLN	30.065,4	1	27
7	Đội 4	Lệ Ninh	CLN	60.821,2	4	27
8	Đội 4	Lệ Ninh	CLN	33.965,6	9	27
9	Đội 4	Lệ Ninh	CLN	6.505,9	17	27
	Cộng			**170.517,0**		
1	Đội 2	Kim Ngân	CLN	136.668,3	154	10
2	Đội 2	Kim Ngân	CLN	125.000,0	76	9
	Cộng			**261.668,3**		
1	Đội Quyết Tiến	Kim Ngân	CLN	7.000,0	6	15
2	Đội Quyết Tiến	Kim Ngân	CLN	12.000,0	27	16
3	Đội Quyết Tiến	Kim Ngân	CLN	22.883,5	146	12
4	Đội Quyết Tiến	Kim Ngân	CLN	5.181,6	135	12
5	Đội Quyết Tiến	Kim Ngân	CLN	55.000,0	29	15
6	Đội Quyết Tiến	Kim Ngân	CLN	7.000,0	50	16
	Cộng			**109.065,1**		
	Tổng cộng			**2.862.945,6**		

CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số: 537 /TTr-HĐQT	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
	Quảng Trị, ngày 09 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

V/v: Sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty cổ phần Lệ Ninh

(Thay cho Tờ trình số 489/TTr-HĐQT ngày 24/3/2026)

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty cổ phần Lệ Ninh

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

- Căn cứ Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15 ngày 14/06/2025;

- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

- Căn cứ Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính: Hướng dẫn một số điều về quản trị công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần Lệ Ninh,

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lệ Ninh kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 xem xét thông qua dự thảo sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổ chức hoạt động Công ty cổ phần Lệ Ninh (Điều chỉnh, sửa đổi lần thứ 4).

(Có bản Dự thảo Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty cổ phần Lệ Ninh điều chỉnh, sửa đổi lần thứ 4 đính kèm)

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:
- *Hội đồng quản trị;*
- *Ban Giám đốc;*
- *Ban kiểm soát;*
- *Các cổ đông;*
- *Đăng Website: www.le ninh.vn;*
- *Công bố thông tin UBCKNN;*
- *Công bố thông tin Sở GDCKNN;*
- *Lưu VT, Thư ký Công ty.*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 3100114... C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH X.LỆ NINH - T.QUẢNG TRỊ

Nguyễn Mậu Hào

CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH

----------o0o----------

(Dự thảo)

ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG

CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH

(Điều chỉnh, sửa đổi lần thứ tư)

Quảng Trị, tháng 4 năm 2026

MỤC LỤC

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ 1
Điều 1. Giải thích thuật ngữ 1
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY 2
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty 2
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty 3
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY 3
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty 3
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty 5
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN 5
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần 5
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu 6
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác 6
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần 6
Điều 10. Thu hồi cổ phần 6
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT 7
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát 7
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 7
Điều 12. Quyền của cổ đông 7
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông 9
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông 10
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông 11
Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông 14
Điều 17. Thay đổi các quyền 14
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông 15
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông 17
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông 17
Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua 19
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 20
Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông 22
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 23
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 23
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị 23
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị 24
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị 25
Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị 26
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị 27
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị 28
Điều 31. Người phụ trách quản trị công ty 29
VIII. GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC 30
Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý 30
Điều 33. Người điều hành Công ty 30
Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc 30
IX. BAN KIỂM SOÁT 31

Điều 35. Ứng cử, đề cử Thành viên Ban kiểm soát 31
Điều 36. Thành viên Ban Kiểm soát 32
Điều 37: Trưởng Ban kiểm soát 32
Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát 33
Điều 39. Cuộc họp Ban kiểm soát 33
Điều 40. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát... 34
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC 34
Điều 41. Trách nhiệm cẩn trọng 34
Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi 34
Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường 35
XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY 36
Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ 36
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN 37
Điều 45. Công nhân viên và công đoàn 37
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN 37
Điều 46. Phân phối lợi nhuận 37
Điều 47. Xử lý lỗ trong kinh doanh 38
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN 38
Điều 48. Tài khoản ngân hàng 38
Điều 49. Năm tài chính 38
Điều 50. Chế độ kế toán 38
XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN 38
Điều 51. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý 38
Điều 52. Báo cáo thường niên 39
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY 39
Điều 53. Kiểm toán 39
XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP 39
Điều 54. Dấu của doanh nghiệp 39
XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY 39
Điều 55. Giải thể Công ty 39
Điều 56. Gia hạn hoạt động 40
Điều 57. Thanh lý 40
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ 40
Điều 58. Giải quyết tranh chấp nội bộ 40
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ 41
Điều 59. Điều lệ công ty 41
XXI. NGÀY HIỆU LỰC 41
Điều 60. Ngày hiệu lực 41

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 tại Đại hội tổ chức vào ngày tháng năm 2026.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

b. "Luật Doanh nghiệp" là Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 16 tháng 07 năm 2020;

c. "Luật Chứng khoán" là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 06 tháng 12 năm 2019;

d. "Luật Quản lý và đầu tư vốn Nhà nước tại doanh nghiệp" là Luật Quản lý và đầu tư vốn Nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14 tháng 06 năm 2025;

d. "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

e. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;

f. "Người điều hành doanh nghiệp" là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng;

g. "Người quản lý doanh nghiệp" là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định của Điều lệ Công ty;

h. "Người có quan hệ gia đình" bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng;

i. "Người điều hành khác" là các chức danh do Chủ tịch HĐQT Công ty bổ nhiệm như Trưởng, phó phòng ban nghiệp vụ, đội trưởng các đội sản xuất, giám đốc các nhà máy sản xuất;

j. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

k. "Cổ đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty.

l. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;

m. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;

n. "Sở giao dịch chứng khoán" là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con

o. "Công ty" là Công ty cổ phần Lệ Ninh;

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH**
- Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: **LỆ NINH JOINT STOCK COMPANY**
- Tên Công ty viết tắt: **LENINH.JSC**

2. Hình thức tổ chức và tư cách pháp nhân

- Công ty cổ phần Lệ Ninh (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở chuyển đổi Công ty TNHH Một thành viên Lệ Ninh - Quảng Bình là doanh nghiệp 100% vốn nhà nước trực thuộc UBND tỉnh Quảng Bình (nay tỉnh Quảng Trị) thành Công ty cổ phần. Công ty có vốn điều lệ thuộc sở hữu các cổ đông của Công ty, được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần và các cổ đông chỉ chịu trách nhiệm tài chính hữu hạn đối với các khoản nợ và cá nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty. Công ty hạch toán kinh tế độc lập, tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Liên Cơ, Xã Lệ Ninh, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam.
- Điện thoại: 0232.3996215
- Fax: 0232.3336211
- Email: leninhqt@gmail.com
- Website: www.leninh.vn

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 54 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 55 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

6. Chủ sở hữu Nhà nước

UBND tỉnh Quảng Trị là chủ sở hữu phần vốn nhà nước tại Công ty. Việc phân công, phân cấp thực hiện các quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của chủ sở hữu tại Công ty thực hiện theo quy định tại Nghị định 366/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về Quản lý và đầu tư vốn tại doanh nghiệp.

7. Quản lý Nhà nước

Công ty chịu sự quản lý của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Pháp luật.

8. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt nằm trong Công ty hoạt động theo hiến pháp, pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam và các qui định của Điều lệ Đảng cộng sản Việt Nam.

9. Các tổ chức chính trị xã hội: Tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên và Hội Cựu chiến binh trong công ty hoạt động theo Hiến pháp, Pháp luật và Điều lệ của tổ chức đó. Công ty tôn trọng và tạo điều kiện để các tổ chức trên hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ và điều lệ của mình.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật là: Chủ tịch Hội đồng quản trị

2. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là người đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật thực hiện theo Điều 13 của Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
01	Trồng, chăm sóc cây cao su Chi tiết: Trồng, chăm sóc và khai thác cây cao su	0125
02	Chế biến mủ cao su	2013
03	Bán buôn cao su Chi tiết: Buôn bán mủ cao su tự nhiên	4669
04	- Tư vấn khảo sát, thiết kế, lập dự toán và dự án đầu tư, thẩm định dự án đầu tư, thẩm định thiết kế kỹ thuật - dự toán, giám sát thi công công trình trồng, chăm sóc, khai thác cây cao su; - Chuyển giao công nghệ và các tiến bộ KHKT (trong lĩnh vực nông nghiệp)	7490

05	Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm có liên quan	4661
06	Sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh	2012
07	Cưa xẻ và chế biến gỗ cao su, gỗ thông và gỗ rừng trồng	1610
08	Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai	1104
09	Buôn bán vật liệu xây dựng và các thiết bị lắp đặt trong xây dựng Chi tiết: Khai thác và kinh doanh các loại vật liệu xây dựng	4663
10	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp. Chi tiết: + Trồng rừng và chăm sóc rừng cây thân gỗ + Trồng rừng và chăm sóc rừng khác + Trồng rừng và chăm sóc rừng họ tre; + Ươm giống cây lâm nghiệp	0210
11	Khai thác gỗ	0220
12	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231
13	Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ	0232
14	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
15	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ, các loại hàng mộc mỹ nghệ: Chi tiết: Sản xuất dăm gỗ, viên nén…	1629
16	Trồng cây hàng năm khác	0119
17	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
18	Trồng cây ăn quả	0121
19	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
20	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
21	Bán buôn tổng hợp. Chi tiết: + Trưng bày sản phẩm, bán các mặt hàng của công ty sản xuất, hàng phục vụ đời sống công nhân + Kinh doanh các loại vật tư phục vụ ngành cao su; ngành chế biến gỗ + Mua bán xuất khẩu tổng hợp	4690
22	Hoạt động của các cơ sở thể thao Chi tiết: Sân chơi cầu long, sân Pickleball và tennis;	9311
23	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Cho thuê nhà làm việc, địa điểm sản xuất, kinh doanh dịch vụ ăn uống.	6810

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là:

- Huy động và sử dụng vốn có hiệu quả nhằm thu được lợi nhuận tối đa;
- Không ngừng nâng cao lợi ích của Nhà nước, của Công ty, các cổ đông và người lao động;
- Tăng tích lũy và phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Góp phần thiết thực vào việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội của tỉnh và cả nước.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký và các ngành nghề mà Pháp luật không cấm, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia. Trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần

1. Vốn điều lệ của Công ty là: **82.300.670.000 đồng** ***(bằng chữ: Tám mươi hai tỷ, ba trăm triệu, sáu trăm bảy mươi nghìn đồng).***

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành: **8.230.067 cổ phần** (***bằng chữ: Tám triệu hai trăm ba mươi nghìn không trăm sáu mươi bay cổ phần***) với mệnh giá là 10.000 (mười nghìn) đồng một cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty, cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán đượcchuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ

phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán các khoản tiền có liên quan và lãi phát sinh theo tỷ lệ tương đương với lãi suất tiền vay mà Công ty phải trả cho ngân hàng vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

d. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

e. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

g. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;

h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

j. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

k. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

l. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật doanh nghiệp;

b. Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số

cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
a. Vi phạm pháp luật;
b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

d. Quyết định hoạt động đầu tư, chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng vốn đầu tư Công ty có giá trị trên 50% vốn chủ sở hữu của Công ty, hoặc trên 50% vốn đầu tư của chủ sở hữu trong trường hợp vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn

đầu tư của chủ sở hữu. Vốn chủ sở hữu, vốn đầu tư của chủ sở hữu được xác định theo báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm tại thời điểm gần nhất;

e. Quyết định mua, thuê mua, bán tài sản cố định có giá trị tài sản trên 50% vốn chủ sở hữa, hoặc trên 50% vốn đầu tư của chủ sở hữu trong trường hợp vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá trị tài sản được xác định theo giá mua, thuê mua đối với trường hợp mua, thuê mua tài sản cố định hoặc giá trị còn lại theo sổ sách kế toán đối với trường hợp bán tài sản cố định. Vốn chủ sở hữu, vốn đầu tư của chủ sở hữu quy định tại điểm này được xác định theo báo cáo tài chính riêng quý hoặc năm của doanh nghiệp tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định bán;

f. Quyết định phân phối lợi nhuận sau thuế để trích lập các quỹ theo quy định tại Điều 25, điểm e khoản 2 Điều 27 Luật quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15 ngày 14/6/2025; Điều 29, điểm b khoản 3 Điều 31 Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 về Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

g. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;

h. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

i. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

k. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;

l. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;

m. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng, Người phụ trách quản trị kiêm Thư ký Công ty;

n. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

o. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

ô. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc;

e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;

f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

i. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng, Người phụ trách quản trị kiêm Thư ký Công ty;

j. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;

k. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

l. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

m. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

n. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

o. Quyết định hoạt động đầu tư, chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng vốn đầu tư Công ty có giá trị trên 50% vốn chủ sở hữu của Công ty, hoặc trên 50% vốn đầu tư của chủ sở hữu trong trường hợp vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn đầu tư của chủ sở hữu. Vốn chủ sở hữu, vốn đầu tư của chủ sở hữu được xác định theo báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm tại thời điểm gần nhất;

ô. Quyết định mua, thuê mua, bán tài sản cố định có giá trị tài sản trên 50% vốn chủ sở hữa, hoặc trên 50% vốn đầu tư của chủ sở hữu trong trường hợp vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá trị tài sản được xác định theo giá mua, thuê mua đối với trường hợp mua, thuê mua tài sản cố định hoặc giá trị còn lại theo sổ sách kế toán đối với trường hợp bán tài sản cố định. Vốn chủ sở hữu, vốn đầu tư của chủ sở hữu quy định tại điểm này được xác định theo báo cáo tài chính riêng quý hoặc năm của doanh nghiệp tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định bán;

ơ. Quyết định phân phối lợi nhuận sau thuế để trích lập các quỹ theo quy định tại Điều 25, điểm e khoản 2 Điều 27 Luật quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15 ngày 14/6/2025; Điều 29, điểm b khoản 3 Điều 31 Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 về Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

p. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

q. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

r. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

s. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

t. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty)

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết

trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lây ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
g. Các công việc khác phục vụ đại hội.
3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi mốt (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát;
c. Phiếu biểu quyết;
d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
5. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này thì chậm nhất là hai (02) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;
c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nêu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa

không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành;

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

d. Quyết định hoạt động đầu tư, chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng vốn đầu tư Công ty có giá trị trên 50% vốn chủ sở hữu của Công ty, hoặc trên 50% vốn đầu tư của chủ sở hữu trong trường hợp vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn đầu tư của chủ sở hữu. Vốn chủ sở hữu, vốn đầu tư của chủ sở hữu được xác định theo báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm tại thời điểm gần nhất;

e. Quyết định mua, thuê mua, bán tài sản cố định có giá trị tài sản trên 50% vốn chủ sở hữa, hoặc trên 50% vốn đầu tư của chủ sở hữu trong trường hợp vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá trị tài sản được xác định theo giá mua, thuê mua đối với trường hợp mua, thuê mua tài sản cố định hoặc giá trị còn lại theo sổ sách kế toán đối với trường hợp bán tài sản cố định. Vốn chủ sở hữu, vốn đầu tư của chủ sở hữu quy định tại điểm này được xác định theo báo cáo tài chính riêng quý hoặc năm của doanh nghiệp tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định bán;

g. Quyết định phân phối lợi nhuận sau thuế để trích lập các quỹ theo quy định tại Điều 25, điểm e khoản 2 Điều 27 Luật quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15 ngày 14/6/2025; Điều 29, điểm b khoản 3 Điều 31 Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 về Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

h. Tổ chức lại, giải thể Công ty.

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 của Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc

tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;

e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp Chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng

Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b. Trình độ chuyên môn;

c. Quá trình công tác;

d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

f. Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh

quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có)

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% trở lên có quyền đề cử đủ số ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn xuống. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
7. Đối với Công ty con mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ thì thành viên Hội đồng quản trị không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Giám đốc và người quản lý khác của Công ty; không được là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý Công ty mẹ.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
f. Quyết định phương án đầu tư, dự án đầu tư; chuyển nhượng vốn đầu tư, chuyển nhượng dự án đầu tư; mua, thuê mua, bán tài sản cố định trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật có liên quan;
g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, ngoại trừ hợp đồng và giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k. Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

ô. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

ơ. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Quy chế về công bố thông tin của công ty;

p. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng.

Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công

trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiêu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiêm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật và chủ tài khoản của Công ty.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a. Có đề nghị của Ban kiểm soát;

b. Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này

không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 31. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định là năm (05) năm.

2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a. Có hiểu biết về pháp luật;

b. Không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
d. Tham dự các cuộc họp;
e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

VIII. GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Giám đốc, các Phó Giám đốc và một (01) Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 33. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng.
2. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
3. Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên

Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Giám đốc.

2. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
3. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật.
4. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
f. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;
g. Tuyển dụng lao động;
h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh.
i. Vào ngày 01 tháng 12 hàng năm, Giám đốc điều hành phải trình hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;
j. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 35. Ứng cử, đề cử Thành viên Ban kiểm soát

1. Việc ứng cử, đề cử Thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1 Điều 25 Điều lệ này.
2. Các cổ đông nắm giữ 10% cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban Kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một (01) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba (03) ứng viên.
3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử

không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 36. Thành viên Ban Kiểm soát

1. Số lượng Thành viên Ban kiểm soát của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát là năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:

a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm theo quy định tại Khoản 2 Điều này;

b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d. Trường hợp khác theo quy định Đại hội đồng cổ đông.

Điều 37: Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
3. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác.
4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.
5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.
10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 39. Cuộc họp Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 40. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 41. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban

kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b. Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên

liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau;

a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các

tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 45. Công nhân viên và công đoàn

1. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 46. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 47. Xử lý lỗ trong kinh doanh

Trường hợp Công ty kinh doanh thua lỗ, Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định trích từ thặng dư vốn để bù đắp hoặc chuyển các khoản lỗ sang năm tài chính tiếp theo.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 48. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 49. Năm tài chính

1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 của tháng 12 hằng năm.

2. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm đó.

Điều 50. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 51. Báo cáo tài chính quý và năm

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm

đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập báo cáo tài chính quý và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định.

Điều 52. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 53. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập có lợi ích công chúng hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 54. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).

3. Hội đồng quản trị, Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 55. Giải thể Công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

a. Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;

b. Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản

lý thuế có quy định khác;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 56. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 07 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 57. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

a. Các chi phí thanh lý;

b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c. Nợ thuế;

d. Các khoản nợ khác của Công ty;

e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 58. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công

ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ công ty, các quy định giữa:

a. Cổ đông với Công ty;

b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Trưởng ban kiểm soát Công ty chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 59. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 60. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 Chương 60 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Lệ Ninh nhất trí thông qua ngày tháng năm 2026 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:

a. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;

b. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh Quảng Trị;

c. Bốn (04) bản lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

CHỮ KÝ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

M.S.D.N: 3100114609 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH
X. LỆ NINH - T. QUẢNG TRỊ

Nguyễn Mậu Hào

CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số: 535 /TTr-HĐQT	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Quảng Trị, ngày 09 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

V/v: Sửa đổi, bổ sung một số điều Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Lệ Ninh

(Thay Tờ trình số 490/TTr-HĐQT ngày 24/3/2026)

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty cổ phần Lệ Ninh

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

- Căn cứ Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15 ngày 14/06/2025;

- Căn cứ Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty cổ phần Lệ Ninh;

- Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Lệ Ninh,

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lệ Ninh kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 xem xét thông qua dự thảo Quy chế sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Lệ Ninh.

(Có bản dự thảo Quy chế sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Lệ Ninh đính kèm)

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:	**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**
- Hội đồng quản trị;	**CHỦ TỊCH**
- Ban Giám đốc;	
- Ban kiểm soát;	
- Các cổ đông;	
- Đăng Website: www.le ninh.vn;	
- Công bố thông tin UBCKNN;	
- Công bố thông tin Sở GDCKNN;	
- Lưu VT, Thư ký Công ty.	**Nguyễn Mậu Hào**

CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
-------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 536 /2026/QCNB/HĐQT	*Quảng Trị, ngày 09 tháng 4 năm 2026*

QUY CHẾ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH

Căn cứ Luật Quản lý và đầu tư vốn tại doanh nghiệp số 68 ngày 14/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Lệ Ninh;

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt đồng Công ty cổ phần Lệ Ninh;

Hội đồng quản trị sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Lệ Ninh.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Lệ Ninh

1. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 3 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 3 như sau:

"4. Quyết định hoạt động đầu tư, chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng vốn đầu tư Công ty có giá trị trên 50% vốn chủ sở hữu của Công ty, hoặc trên 50% vốn đầu tư của chủ sở hữu trong trường hợp vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn đầu tư của chủ sở hữu. Vốn chủ sở hữu, vốn đầu tư của chủ sở hữu được xác định theo báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm tại thời điểm gần nhất";

b) Bổ sung khoản 4a vào sau khoản 4 Điều 3 như sau:

"4a. Quyết định mua, thuê mua, bán tài sản cố định có giá trị tài sản trên 50% vốn chủ sở hữu, hoặc trên 50% vốn đầu tư của chủ sở hữu trong trường hợp vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá trị tài sản được xác định theo giá mua, thuê mụa đối với trường hợp mua, thuê mua tài sản cố định hoặc giá trị còn lại theo sổ sách kế toán đối với trường hợp bán tài sản cố định. Vốn chủ sở hữu, vốn đầu tư của chủ sở hữu quy định tại điểm này được xác định theo báo cáo tài chính riêng quý hoặc năm của doanh nghiệp tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định bán";

c) Bổ sung khoản 4b vào sau khoản 4a Điều 3 như sau:

"4b. Quyết định phân phối lợi nhuận sau thuế để trích lập các quỹ theo quy định tại Điều 25, điểm e khoản 2 Điều 27 Luật quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15 ngày 14/6/2025; Điều 29, điểm b khoản 3 Điều 31 Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 về Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp";

2. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 11 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm e khoản 2 Điều 11 như sau:

"e. Quyết định hoạt động đầu tư, chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng vốn đầu tư Công ty có giá trị trên 50% vốn chủ sở hữu của Công ty, hoặc trên 50% vốn đầu tư của chủ sở hữu trong trường hợp vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn đầu tư của chủ sở hữu. Vốn chủ sở hữu, vốn đầu tư của chủ sở hữu được xác định theo báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm tại thời điểm gần nhất";

b) Bổ sung điểm h vào sau điểm g khoản 2 Điều 11 như sau:

"h. Quyết định mua, thuê mua, bán tài sản cố định có giá trị tài sản trên 50% vốn chủ sở hữu, hoặc trên 50% vốn đầu tư của chủ sở hữu trong trường hợp vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá trị tài sản được xác định theo giá mua, thuê mua đối với trường hợp mua, thuê mua tài sản cố định hoặc giá trị còn lại theo sổ sách kế toán đối với trường hợp bán tài sản cố định. Vốn chủ sở hữu, vốn đầu tư của chủ sở hữu quy định tại điểm này được xác định theo báo cáo tài chính riêng quý hoặc năm của doanh nghiệp tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định bán";

c) Bổ sung điểm i vào sau điểm h khoản 2 Điều 11 như sau:

"i. Quyết định phân phối lợi nhuận sau thuế để trích lập các quỹ theo quy định tại Điều 25, điểm e khoản 2 Điều 27 Luật quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15 ngày 14/6/2025; Điều 29, điểm b khoản 3 Điều 31 Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 về Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp";

3. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 15 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 Điều 15 như sau:

"d. Quyết định hoạt động đầu tư, chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng vốn đầu tư Công ty có giá trị trên 50% vốn chủ sở hữu của Công ty, hoặc trên 50% vốn đầu tư của chủ sở hữu trong trường hợp vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn đầu tư của chủ sở hữu. Vốn chủ sở hữu, vốn đầu tư của chủ sở hữu được xác định theo báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm tại thời điểm gần nhất";

b) Bổ sung điểm g vào sau điểm f khoản 1 Điều 15 như sau:

"g. Quyết định mua, thuê mua, bán tài sản cố định có giá trị tài sản trên 50% vốn chủ sở hữu, hoặc trên 50% vốn đầu tư của chủ sở hữu trong trường hợp vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá trị tài sản được xác định theo giá mua, thuê mua đối với trường hợp mua, thuê mua tài sản cố định hoặc giá trị còn lại theo sổ sách kế toán đối với trường hợp bán tài sản cố định. Vốn chủ sở hữu, vốn đầu tư của chủ sở hữu quy định tại điểm này được xác định theo báo cáo tài chính riêng quý hoặc năm của doanh nghiệp tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định bán";

c) Bổ sung điểm h vào sau điểm g khoản 1 Điều 15 như sau:

"h. Quyết định phân phối lợi nhuận sau thuế để trích lập các quỹ theo quy định tại Điều 25, điểm e khoản 2 Điều 27 Luật quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh

nghiệp số 68/2025/QH15 ngày 14/6/2025; Điều 29, điểm b khoản 3 Điều 31 Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 về Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp";

d) Bổ sung điểm i vào sau điểm g khoản 1 Điều 15 như sau:

"i. Quyết định phân phối lợi nhuận sau thuế để trích lập các quỹ theo quy định tại Điều 25, điểm e khoản 2 Điều 27 Luật quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15 ngày 14/6/2025; Điều 29, điểm b khoản 3 Điều 31 Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 về Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp";

4. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 20 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm e khoản 2 Điều 20 như sau:

"e. Quyết định hoạt động đầu tư, chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng vốn đầu tư Công ty có giá trị trên 50% vốn chủ sở hữu của Công ty, hoặc trên 50% vốn đầu tư của chủ sở hữu trong trường hợp vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn đầu tư của chủ sở hữu. Vốn chủ sở hữu, vốn đầu tư của chủ sở hữu được xác định theo báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm tại thời điểm gần nhất";

b) Bổ sung điểm h vào sau điểm g khoản 2 Điều 20 như sau:

"h. Quyết định mua, thuê mua, bán tài sản cố định có giá trị tài sản trên 50% vốn chủ sở hữu, hoặc trên 50% vốn đầu tư của chủ sở hữu trong trường hợp vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá trị tài sản được xác định theo giá mua, thuê mua đối với trường hợp mua, thuê mua tài sản cố định hoặc giá trị còn lại theo sổ sách kế toán đối với trường hợp bán tài sản cố định. Vốn chủ sở hữu, vốn đầu tư của chủ sở hữu quy định tại điểm này được xác định theo báo cáo tài chính riêng quý hoặc năm của doanh nghiệp tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định bán";

5. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 33 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 Điều 33 như sau:

"d. Quyết định hoạt động đầu tư, chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng vốn đầu tư Công ty có giá trị trên 50% vốn chủ sở hữu của Công ty, hoặc trên 50% vốn đầu tư của chủ sở hữu trong trường hợp vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn đầu tư của chủ sở hữu. Vốn chủ sở hữu, vốn đầu tư của chủ sở hữu được xác định theo báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm tại thời điểm gần nhất";

b) Bổ sung điểm f vào sau điểm e khoản 2 Điều 33 như sau:

"f. Quyết định mua, thuê mua, bán tài sản cố định có giá trị tài sản trên 50% vốn chủ sở hữu, hoặc trên 50% vốn đầu tư của chủ sở hữu trong trường hợp vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá trị tài sản được xác định theo giá mua, thuê mua đối với trường hợp mua, thuê mua tài sản cố định hoặc giá trị còn lại theo sổ sách kế toán đối với trường hợp bán tài sản cố định. Vốn chủ sở hữu, vốn đầu

tư của chủ sở hữu quy định tại điểm này được xác định theo báo cáo tài chính riêng quý hoặc năm của doanh nghiệp tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định bán";

c) Bổ sung điểm g vào sau điểm f khoản 2 Điều 33 như sau:

"g. Quyết định phân phối lợi nhuận sau thuế để trích lập các quỹ theo quy định tại Điều 25, điểm e khoản 2 Điều 27 Luật quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15 ngày 14/6/2025; Điều 29, điểm b khoản 3 Điều 31 Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 về Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp";

5. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 36 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm h khoản 2 Điều 36 như sau:

"h. Quyết định phương án đầu tư, dự án đầu tư; chuyển nhượng vốn đầu tư, chuyển nhượng dự án đầu tư; mua, thuê mua, bán tài sản cố định trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật có liên quan";

d) Bổ sung điểm r vào sau điểm q khoản 2 Điều 36 như sau:

"r. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, ngoại trừ hợp đồng và giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;";

Điều 2. Ngày hiệu lực

Quy chế này được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Lệ Ninh nhất trí thông qua ngày tháng năm 2026.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH

Nguyễn Mậu Hào

CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số: 533 /TTr-HĐQT	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
	Quảng Trị, ngày 09 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

V/v: Sửa đổi, bổ sung một số điều Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lệ Ninh

(Thay Tờ trình số 492/TTr-HĐQT ngày 24/3/2026)

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty cổ phần Lệ Ninh

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

- Căn cứ Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15 ngày 14/06/2025;

- Căn cứ Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty cổ phần Lệ Ninh;

- Căn cứ Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lệ Ninh,

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lệ Ninh kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 xem xét thông qua dự thảo Quy chế sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lệ Ninh.

(Có bản dự thảo Quy chế sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lệ Ninh đính kèm)

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:	**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**
- Hội đồng quản trị;	**CHỦ TỊCH**
- Ban Giám đốc;	
- Ban kiểm soát;	
- Các cổ đông;	
- Đăng Website: www.le ninh.vn;	
- Công bố thông tin UBCKNN;	
- Công bố thông tin Sở GDCKNN;	
- Lưu VT, Thư ký Công ty.	**Nguyễn Mậu Hào**

CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 534 /2026/QC/HĐQT	*Quảng Trị, ngày 09 tháng 4 năm 2026*

QUY CHẾ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH

(Thay cho Quy chế số 493/2026/QC/HĐQT ngày 24/3/2026)

Căn cứ Luật Quản lý và đầu tư vốn tại doanh nghiệp số 68 ngày 14/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lệ Ninh;

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt đồng Công ty cổ phần Lệ Ninh;

Hội đồng quản trị sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lệ Ninh.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lệ Ninh

1. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 11 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm e khoản 2 Điều 11 như sau:

"Quyết định phương án đầu tư, dự án đầu tư; Quyết định chuyển nhượng vốn đầu tư, chuyển nhượng dự án đầu tư; Quyết định mua, thuê mua, bán tài sản cố định trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật, điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần Lệ Ninh";

b) Sửa đổi, bổ sung điểm h khoản 2 Điều 11 như sau:

"s.Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, ngoại trừ hợp đồng và giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp";

Điều 2. Ngày hiệu lực

Quy chế này được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Lệ Ninh nhất trí thông qua ngày tháng năm 2026.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 3100114... CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH

Nguyễn Mậu Hào

CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH

Số: 529 /TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Quảng Trị, ngày 09 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH

THÔNG QUA KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD VÀ PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2025; KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2026

(Thay cho Tờ trình 496/TTr-HĐQT ngày 24/3/2026)

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty cổ phần Lệ Ninh

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Luật số 68/2025/QH15 đã được Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14/06/2025;
- Căn cứ Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Lệ Ninh;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2025 đã được Chi nhánh Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng phát hành ngày 18/3/2026,

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lệ Ninh kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua Tờ trình kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và phương án phân phối lợi nhuận năm 2025; Kế hoạch sản xuất kinh doanh và phương án phân phối lợi nhuận năm 2026.

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và phương án phân phối lợi nhuận năm 2025

1.1. Kết quả hoạt động SXKD năm 2025

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2025
A	**KẾT QUẢ KINH DOANH**		
1	Tổng doanh thu, thu nhập	Đồng	131.011.461.386
2	Tổng chi phí	Đồng	127.792.534.423
3	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	3.218.926.963
4	Thuế TNDN	Đồng	700.522.515
5	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	2.518.404.448
6	Tỷ suất lợi nhuận trên vốn CSH (ROE)	%	3,02

B	**CÁC CHỈ TIÊU NỘP NGÂN SÁCH NN**		
1	Số phải nộp trong năm	Đồng	9.254.498.541
2	Số đã nộp trong năm	Đồng	9.203.795.400
C	**CÁC CHỈ TIÊU VỀ LAO ĐỘNG**		
1	Lao động bình quân trong năm	Người	369
2	Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)		8.345.000
3	Chế độ của người lao động (BHXH, BHYT)	%	100
-	Số phải nộp trong năm	Đồng	5.545.254.129
-	Số đã nộp trong năm	Đồng	5.545.254.129

1.2. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025

Trên cơ sở thực tế kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2025 sau khi đã nộp Ngân sách theo quy định là: **2.518.404.448** đồng (Báo cáo kết quả kinh doanh đã được kiểm toán).

Phương án phân phối lợi nhuận như sau:

TT	Các khoản mục phân phối	Tỷ lệ (%)	Giá trị (đồng)	Ghi chú
1	Trích quỹ đầu tư phát triển	18,00	453.312.800	
2	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	42,48	1.069.784.278	
3	Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành doanh nghiệp	3,57	90.000.000	
4	Phần lợi nhuận còn lại phân chia cổ tức	35,95	905.307.370	110 đ/cp
	Tổng cộng	**100**	**2.518.404.448**	

Tổng số vốn điều lệ theo sổ sách: 82.300.670.000 đồng

Tổng số cổ phần: 8.230.067 cổ phần

Lợi nhuận được chia trên 01 cổ phần: 110 đồng (Theo KH là 53 đồng/cổ phần, đạt 207,5% KH)

Lợi nhuận được phân chia như sau:

Chỉ tiêu	Tổng số	Trong đó	
		Nhà nước	Cổ đông khác
Cổ phần (cp)	8.230.067	7.468.367	761.700
Lợi nhuận được chia (đồng)	905.307.370	821.520.370	83.787.000

- Hình thức chi trả cổ tức: Phần cổ tức của của cổ đông khác được chi trả bằng tiền mặt; Phần cổ tức của cổ đông nhà nước được nộp vào ngân sách Nhà nước.

2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh và phân phối lợi nhuận năm 2026.

2.1. Các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2026:

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Kế hoạch thực hiện năm 2026
A	**KẾT QUẢ KINH DOANH**		
1	Tổng doanh thu, thu nhập	Đồng	144.150.000.000
2	Tổng chi phí	Đồng	140.950.000.000
3	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	3.200.000.000
4	Thuế TNDN	Đồng	652.000.000
5	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	2.608.000.000
6	Tỷ suất lợi nhuận trên vốn CSH (ROE)	%	3,1
B	**CÁC CHỈ TIÊU NỘP NGÂN SÁCH NN**		
+	Số phải nộp trong năm (Tiền thuế GTGT và tiền thuê đất, TN, TNDN)	Đồng	6.500.000.000
+	Tiền phân chia lợi nhuận năm 2025	Đồng	821.520.370
C	**CÁC CHỈ TIÊU VỀ LAO ĐỘNG**		
1	Lao động bình quân trong năm	Người	366
2	Thu nhập bình quân (Tr đ/ng/tháng)		8.500.000
3	Chế độ của người lao động (BHXH, BHYT)	%	100
-	Số phải nộp trong năm	Đồng	5.550.000.000
-	Số hoàn thành nộp trong năm	Đồng	5.550.000.000

2.2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026:

Căn cứ vào kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2026

Lợi nhuận sau thuế: 2.608.000.000 đồng

Phương án phân phối lợi nhuận như sau:

a, Trích lập các quỹ:

- Quỹ đầu tư phát triển: Căn cứ nhu cầu đầu tư của Công ty trong năm 2026, đề nghị trích 18 % vào quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp: 469.440.000 đồng.

- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động trong doanh nghiệp:

Căn cứ theo Nghị định 366/2025/NĐ-CP, Doanh nghiệp dự kiến đạt kế hoạch năm 2026. Mức quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích tối đa bằng 3 tháng lương thực hiện nếu doanh nghiệp đạt kế hoạch.

Căn cứ nhu cầu chi quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2026, mức đề nghị trích 43,84% vào quỹ khen thưởng, phúc lợi: 1.143.252.630 đồng;

Trích quỹ thưởng Ban Quản lý điều hành, Trưởng Ban kiểm soát Công ty: 90.000.000 đồng.

b. Lợi nhuận còn lại phân chia cho các Cổ đông là: 110 đồng/cổ phần (34,71%)

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:
- *Hội đồng quản trị;*
- *Ban Giám đốc;*
- *Ban kiểm soát;*
- *Đăng Website: www.le ninh.vn;*
- *Công bố thông tin UBCKNN;*
- *Công bố thông tin Sở GDCKNN;*
- *Lưu VT, Thư ký Công ty.*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 3100114... C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH X. LỆ NINH - T. QUẢNG TRỊ

Nguyễn Mậu Hào